

**CÔNG TY TNHH BỘT KIM LOẠI
JULIEN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/23/DKMT/JULIEN

Đồng Nai, ngày 20 tháng 11 năm 2023

V/v đăng ký môi trường cho dự án
sản “Nâng công suất nhà máy sản xuất
và gia công các sản phẩm dệt, trong quy
trình không bao gồm công đoạn nhuộm
từ 990 tấn/năm lên 3.000 tấn/năm”

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Xã Phước Thiện

Công Ty TNHH Bột Kim Loại Julien Việt Nam là chủ đầu tư của Dự án : “Nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các sản phẩm dệt, trong quy trình không bao gồm công đoạn nhuộm từ 990 tấn/năm lên 3.000 tấn/năm”, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính của Công Ty TNHH Bột Kim Loại Julien Việt Nam: Đường số 6, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600895157, đăng ký lần đầu ngày 08/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15/06/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2112752651, đăng ký lần đầu ngày 08/06/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 10/07/2023 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

- Người đại diện theo pháp luật của công ty:

- Họ & tên: LAI, CHING-IN

Chức danh: Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 02513.568.088

- MST: 3600895157

Công Ty TNHH Bột Kim Loại Julien Việt Nam đăng ký môi trường cho dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các sản phẩm dệt, trong quy trình không bao gồm công đoạn nhuộm từ 990 tấn/năm lên 3.000 tấn/năm” với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về Cơ sở: *

- Tên dự án đầu tư: “Nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các sản phẩm dệt, trong quy trình không bao gồm công đoạn nhuộm từ 990 tấn/năm lên 3.000 tấn/năm”

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

+ Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Công Ty TNHH Bột Kim Loại Julien Việt Nam thuê lại đất của Công Ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO tại

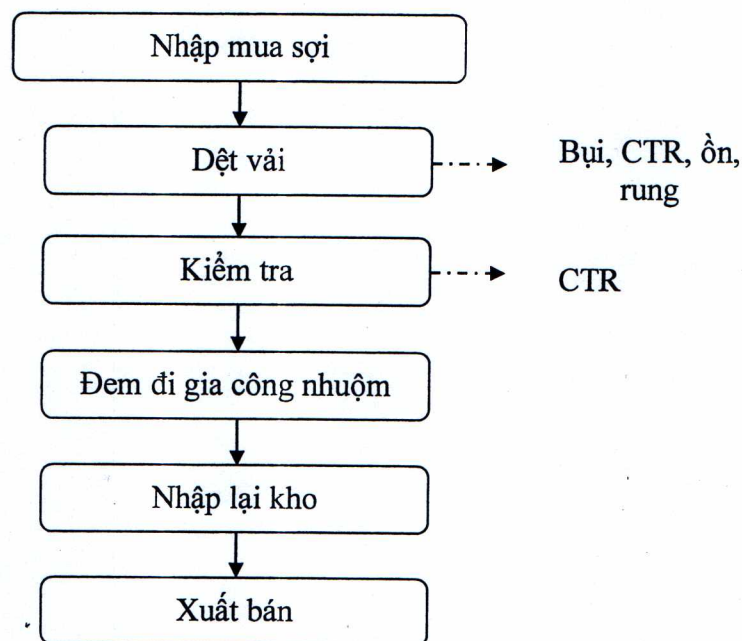
Đường số 6, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

+ Nguồn vốn dự án đầu tư: 33.542.910.750 đồng

+ Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: dự kiến hoạt động từ Tháng 11/2023

- Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của dự án đầu tư:

(1) *Quy mô công suất, sản phẩm của dự án đầu tư:* “Sản xuất và gia công các sản phẩm dệt (vải may giày, vải may quần áo, vải dệt kim, vải đan móc...), trong quy trình không bao gồm công đoạn nhuộm quy mô 3.000 tấn sản phẩm/năm”



Hình 1: Quy trình sản xuất của Công Ty TNHH Bột Kim Loại Julien Việt Nam

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu dùng cho quá trình sản xuất là sợi mua từ bên ngoài, sẽ được công nhân kiểm tra chất lượng trước khi đưa vào khu vực máy dệt kim.

Sợi được qua công đoạn mắc cạnh, sau đó dẫn qua khâu ghép trục, khâu lược, khâu go rồi dẫn đến máy dệt kim, sợi ngang được lồi kéo ngang kết hợp với sợi dọc tạo thành vải.

Vải sau dệt được công nhân kiểm tra chất lượng trước khi vận chuyển qua công ty liên kết để gia công nhuộm vải, vải sau khi nhuộm thành phẩm sẽ được công ty nhập lại kho chờ xuất bán.

(Trong quy trình sản xuất của công ty không có công đoạn nhuộm, vải được đem đi gia công bên ngoài, vì vậy không phát sinh nước thải sản xuất).

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của dự án đầu tư:

(1) Nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ dự án

Danh mục nguyên nhiên vật liệu sử dụng cho dự án được trình bày cụ thể ở bảng sau:

Bảng 1: Nguyên nhiên vật liệu phục vụ dự án

STT	Nguyên, nhiên, vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi cung cấp
1	Sợi nguyên liệu	Tấn/năm	2.952	Trong và ngoài nước
2	Bao bì đóng gói	Tấn/năm	70	Trong và ngoài nước
3	Dầu bôi trơn máy	Tấn/năm	0,5	Trong nước

(Nguồn Công Ty TNHH Bột Kim Loại Julien Việt Nam)

Danh mục thiết bị - máy móc cho dự án được trình bày cụ thể ở bảng sau:

Bảng 2: Máy móc, thiết bị phục vụ dự án

STT	Tên	Đơn vị	Số lượng	Nước sản xuất	Tình trạng
1	Máy dệt vải	Cái	41	Đài Loan	100%
2	Máy kiểm vải	Cái	3	Đài Loan	100%

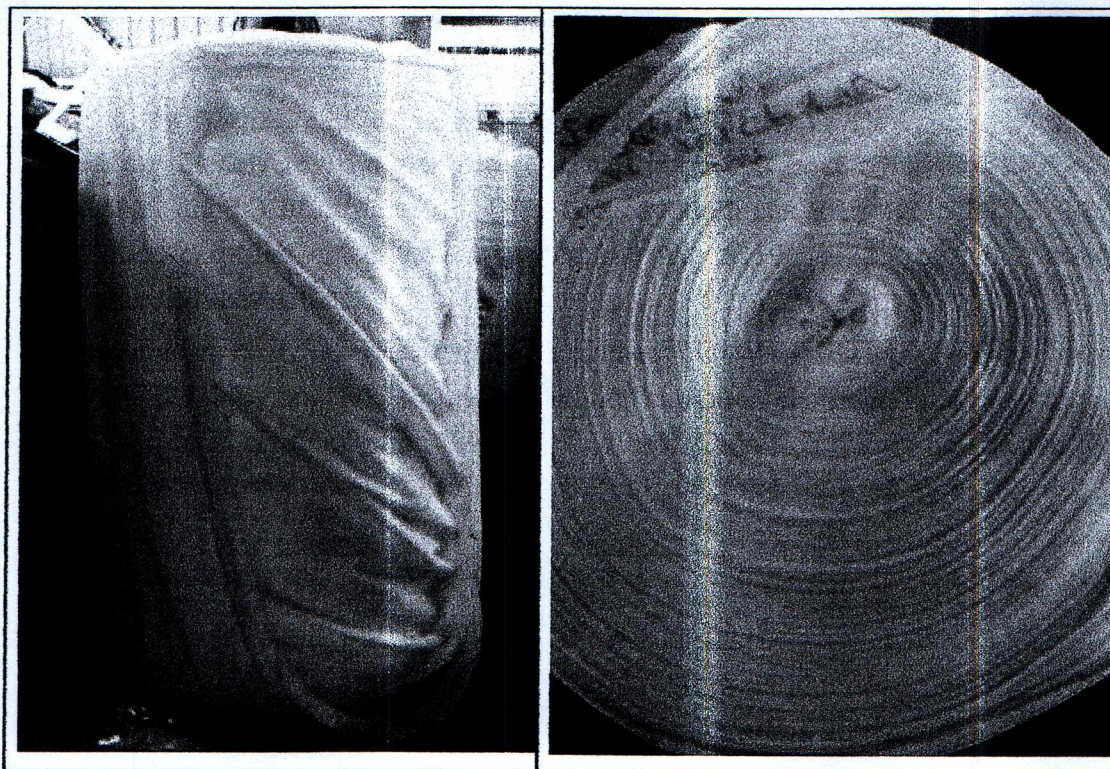
(Nguồn: Công Ty TNHH Bột Kim Loại Julien Việt Nam)

Sản phẩm của dự án được trình bày cụ thể ở bảng sau:

Bảng 3: Sản phẩm của dự án dự án

STT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
1	Các loại sản phẩm dệt (vải may giày, vải may quần áo, vải dệt kim, vải đan móc...)	Tấn	3.000 sản phẩm/năm

(Nguồn: Công Ty TNHH Bột Kim Loại Julien Việt Nam)



Hình 2: Một số hình ảnh sản phẩm vải may của dự án

(2) Nhu cầu cấp điện phục vụ dự án

- Nguồn cung cấp: Nguồn cung cấp điện phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất của dự án được lấy từ lưới điện lực Quốc gia, sau đó được hạ thế (qua trạm biến thế) và đưa vào sử dụng cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt. Việc cung cấp điện do Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Nhà Và Đô Thị Idico thực hiện.

- Nhu cầu tiêu thụ điện: Ước tính lượng điện tiêu thụ khi dự án đi vào hoạt động chính thức là khoảng 500.000 KWh/tháng.

(3) Nhu cầu cấp nước phục vụ dự án

- Nguồn cung cấp: Nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt của công nhân viên do Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO cung cấp. Đảm bảo cấp nước liên tục 24/24 giờ cho các nhà đầu tư tới hàng rào nhà máy.

- Nhu cầu sử dụng nước: Nhu cầu sử dụng nước của dự án được trình bày cụ thể như sau:

+ *Nước cấp cho mục đích sinh hoạt của cán bộ công nhân viên:* Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, thì chỉ tiêu cấp nước cho sinh hoạt tối thiểu là 80 lít/người/ngày đêm. Dự án sử dụng tổng cộng 69 lao động, như vậy nhu cầu dùng nước mỗi ngày khoảng:

$$(69 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người/ngày.đêm})/1.000 = 5,52 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

+ *Nước cấp cho bếp ăn tập thể:* Công ty không tổ chức nấu ăn mà đặt các suất ăn công nghiệp ở bên ngoài cho công nhân, do đó không phát sinh nhu cầu nước cấp.

+ *Nước cấp cho sản xuất*: Dự án không sử dụng nước cấp cho sản xuất.

+ *Nước cấp cho tưới cây*: Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng thì chỉ tiêu cấp nước cho hoạt động tưới cây ≥ 3 lít/m²/ngày.đêm, chọn 3 lít/m²/lần tưới. Diện tích cây xanh của toàn dự án là 7.370,87 m². Lượng nước cần thiết = $7.370,87 \text{ m}^2 \times 3 \text{ lít/m}^2/\text{ngày} \times 10^{-3} = 22,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$, trung bình 3 – 4 ngày tưới cây 1 lần.

+ *Nước phục vụ tưới đường, sân bãi*: Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng thì chỉ tiêu cấp nước cho hoạt động rửa đường, sân bãi $\geq 0,4$ lít/m²/ngày.đêm, chọn 0,4 lít/m²/lần tưới. Diện tích đường nội bộ của dự án là 5.825,13 m². Lượng nước cần thiết = $5.825,13 \text{ m}^2 \times 0,4 \text{ lít/m}^2/\text{ngày} \times 10^{-3} = 2,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Định kỳ 1 ngày/lần (vào mùa khô) sẽ tiến hành tưới nước đường nội bộ, sân bãi. Như vậy, lượng nước cấp cho tưới đường, sân bãi là 1 m³/ngày.

+ *Nước PCCC*: Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO cung cấp, lượng nước PCCC không mang tính chất sử dụng thường xuyên.

Bảng 4: Tổng hợp nhu cầu dùng nước của dự án

STT	Hạng mục	Lưu lượng (m ³ /ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt	5,52
2	Nước cấp cho sản xuất	0
3	Nước cấp cho tưới cây	22,2
4	Nước phục vụ tưới đường, sân bãi	2,3
Tổng		30,02

(Nguồn: Công Ty TNHH Bột Kim Loại Julien Việt Nam)

3. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh: không có

4. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư, cơ sở:

- Loại và khối lượng nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) dự kiến phát sinh: Dự án chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tính bằng 100% lượng nước cấp, tương đương 5,52 m³/ngày.

- Nguồn và lưu lượng khí thải dự kiến phát sinh: Hoạt động của dự án không phát sinh nguồn khí thải.

- Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh: Dự án sử dụng khoảng 69 lao động, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 54,51 kg/ngày (*Lượng rác thải trung bình lấy bằng 0,79 kg/người.ngày, theo báo cáo môi trường quốc gia năm 2011 về chất thải rắn*). Thành phần chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu gồm: vỏ trái cây, thức ăn thừa, túi nylon, chai nhựa, các vật dụng cá nhân hư hỏng....

- Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh: Hoạt động sản xuất của dự án sẽ làm phát sinh các loại chất thải như: Vải vụn thải, bao bì đóng gói, thùng carton, giấy từ hoạt động văn phòng,... với tổng khối lượng khoảng 3.013,75 kg/tháng. Bao gồm:

+ Vải vụn, sợi vải thải: ước tính 1% nguyên liệu sợi đầu vào, tương đương khoảng 29,52 tấn/năm ~ 2.460 kg/tháng

+ Bìa carton thải bỏ: ước tính 0,2% tổng nguyên liệu đầu vào, tương đương khoảng 503,75 kg/tháng

+ Giấy carton, giấy vụn từ văn phòng: ước tính khoảng 50 kg/tháng;

- Loại và khối lượng chất thải nguy hại dự kiến phát sinh: Khối lượng CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án được ước tính tại bảng sau:

Bảng 5: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	KS	10
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	40
3	Giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	90
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	500
5	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	NH	10
Tổng					650

Ghi chú:

- KS: Ký hiệu chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Cần áp dụng ngưỡng CTNH (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH để phân định là CTNH hoặc CTRCNTT.

- NH: Chất thải nguy hại trong mọi trường hợp.

Theo bảng 5, tổng khối lượng CTNH phát sinh từ hoạt động của dự án là 650 kg/năm, tương đương 54,1 kg/tháng.

5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư:

5.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải dự kiến phát sinh:

5.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Công Ty TNHH Bột Kim Loại Julien Việt Nam xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải. Hệ thống cống thoát nước mưa cùng hố ga lắng lọc của dự án được thiết kế chạy dọc theo tuyến đường bê tông và dọc theo chân công trình. Đường ống sử dụng để thoát nước mưa là đường ống D300-400. Hệ thống thoát

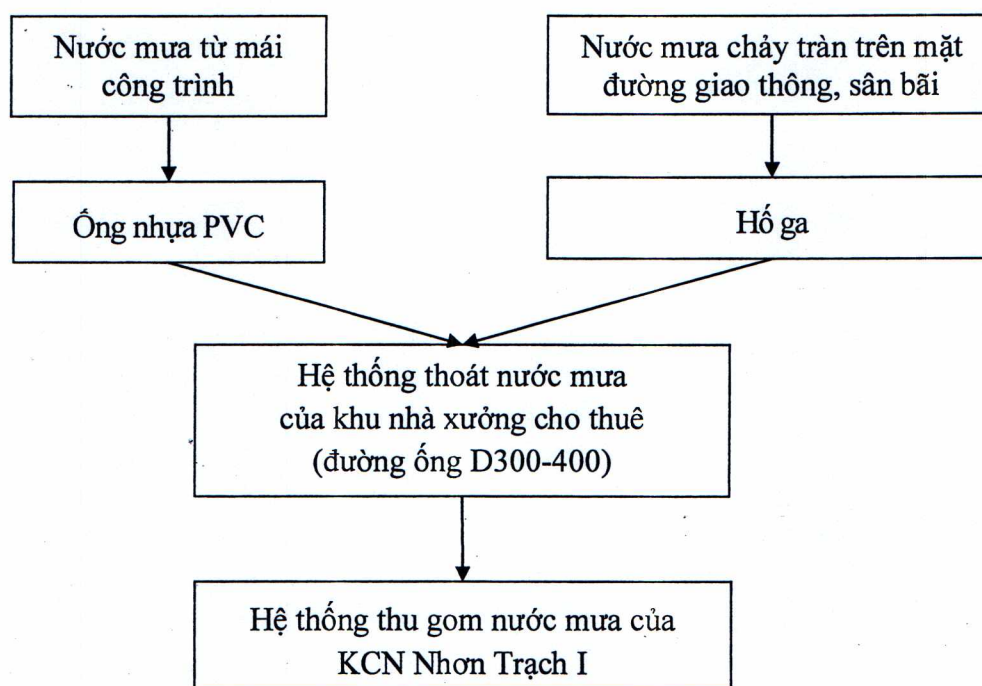
nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

Quy trình tiêu thoát nước mưa của dự án như sau:

- Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông nội bộ, sân bãi được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước khi chảy vào hệ thống cống thoát nước mưa. Các hố ga sẽ được định kỳ nạo vét, bùn thải thu gom sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Nước mưa từ mái tôn công trình sẽ được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa, sau đó sẽ được xả ra hệ thống thoát nước mưa của nhà máy, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Nhơn Trạch I.

Toàn bộ nước mưa từ dự án được thu gom bằng hình thức tự chảy theo hướng nghiêng của địa hình về các hố ga, sau đó theo cống thoát nước đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN. Vị trí đầu nối là 01 điểm nằm trên vỉa hè đường số của KCN Nhơn Trạch I. (vị trí đính kèm bản vẽ mặt bằng tổng thể thoát nước mưa)



Hình 3: Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án

5.1.2. Thu gom, thoát nước thải:

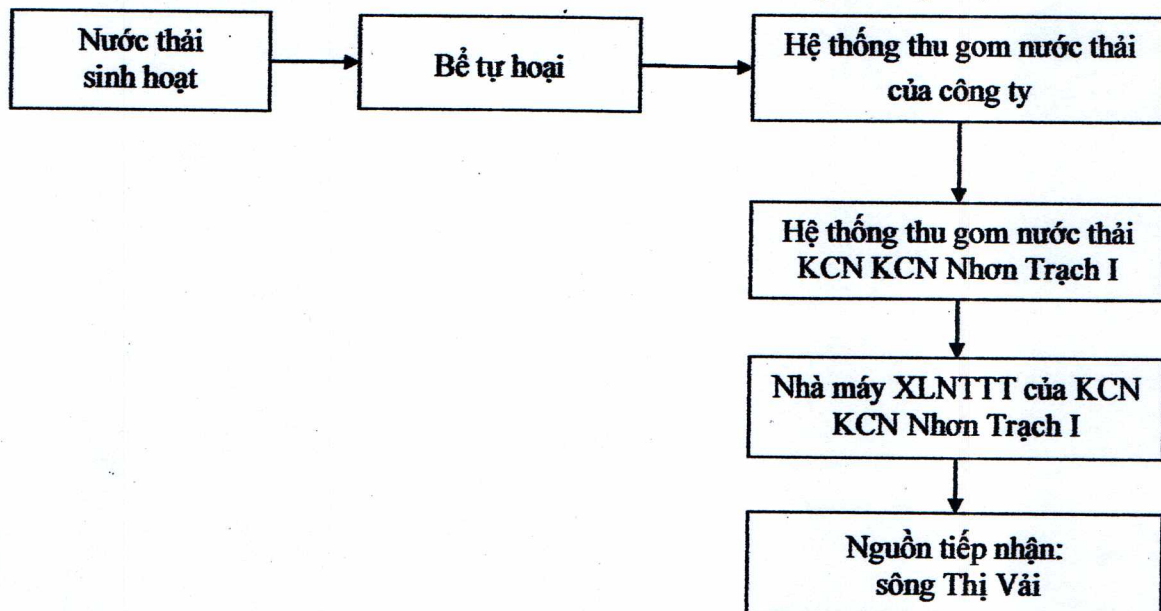
Hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án được thiết kế tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được thu gom bằng hệ thống đường ống, hố ga có lưới lọc của nhà xưởng. Sau đó đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải KCN Nhơn Trạch I.

- Nước thải sản xuất: Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của dự án sau khi thu gom và xử lý sơ bộ sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN KCN Nhơn Trạch I tại 01 điểm trên vỉa hè đường số 6 của KCN và được dẫn về hệ thống XLNT tập trung của KCN công suất 4.000 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Nguồn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch I sau xử lý là sông Thị Vải.



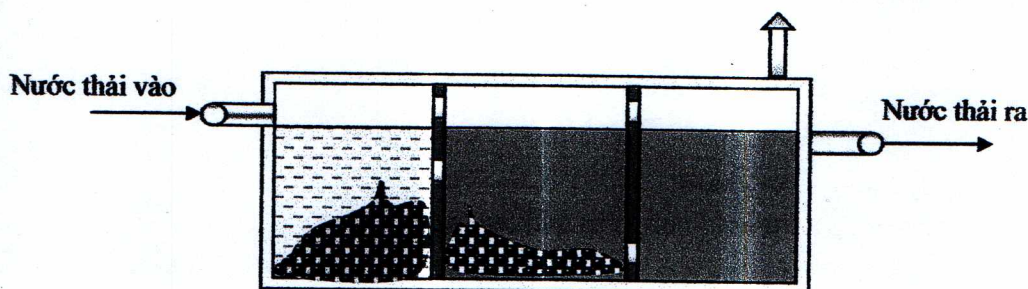
Hình 4: Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án

5.1.3. Xử lý nước thải:

a. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh khi dự án đi vào hoạt động là 5,52 m³/ngày, lượng nước thải này sẽ theo hệ thống đường ống chảy về bể tự hoại để xử lý sơ bộ, trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải KCN.

Dự án có 1 bể tự hoại 3 ngăn phục vụ cho việc xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt



Hình 5: Sơ đồ minh họa hệ thống bể tự hoại của dự án

✦ Hiệu quả xử lý của bể tự hoại:

Bể tự hoại có chức năng chính là lắng cặn và phân hủy cặn lắng. Thời gian lưu nước trong bể từ 1 đến 3 ngày thì có khoảng 90% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn

được giữ lại trong bể từ 3 đến 6 tháng, dưới tác động của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải: CH_4 , CO_2 , H_2S ... Cặn trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại 20% lượng cặn đã lên men trong bể để làm giống men cho lượng bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc rồi thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Phần cặn được lưu lại phân hủy kỵ khí trong bể, phần nước theo hệ thống thoát nước thải của nhà máy đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN sau đó dẫn về nhà máy XLNTTT.

b. Các biện pháp xử lý nước thải khác:

- Không để rơi vãi dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng,... xuống bể tự hoại. Các chất này làm thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó giảm hiệu quả xử lý của bể tự hoại. Biện pháp này sẽ giúp giảm bớt nồng độ các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng trong nước thải.

- Lượng bùn thải tại các bể tự hoại sau thời gian lưu thích hợp được chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- Định kỳ tổ chức đo đạc giám sát chất lượng môi trường và báo cáo về Ban Quản lý các KCN Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai để giám sát và kiểm tra.

5.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải dự kiến phát sinh: Dự án không phát sinh nguồn khí thải.

5.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh:

- Công trình lưu giữ CTR sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy, bố trí tại từng khu vực văn phòng, nhà xưởng,... Các thùng này được thu gom lưu trữ tại kho chứa rác sinh hoạt 20 m².

- Các biện pháp khác:

- + Trong từng phòng và từng khu vực nhà máy đều phải trang bị các loại thùng rác có nắp đậy để thu gom CTR sinh hoạt phát sinh.

- + Các thùng đựng rác được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom. Rác thải sau khi thu gom sẽ được bảo quản cẩn thận, không để xảy ra tình trạng bị phân hủy bởi nước mưa và ánh sáng mặt trời (đặc biệt là đối với một số loại chất thải có khả năng gây ô nhiễm đất hoặc đối với những chất thải có thành phần dễ hòa tan trong nước hay dễ phân hủy, từ đó làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm).

- + Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số 05/HĐ.DV.2023 ngày 01/06/2023 với Công ty TNHH MTV Nhơn Thịnh.

- + Tần suất thu gom rác thải sinh hoạt tại dự án: 3 lần/tuần.

5.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh:

- Công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ dự án sẽ được thu gom, phân loại và lưu trữ tại kho chứa CTR công nghiệp thông thường có diện tích 50 m², kho chứa có mái che, nền bê tông chống thấm, được bố trí tách riêng so với các khu vực khác của dự án. (Vị trí kho chứa CTR công nghiệp thông thường được thể hiện tại bản vẽ mặt bằng tổng thể nhà xưởng của dự án – đính kèm).

- Các biện pháp khác:

- + Đối với các loại phế liệu như: kim loại, giấy, carton, nylon... được thu gom và định kỳ giao cho các đơn vị thu gom tái chế hoặc bán phế liệu.

- + Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường còn lại, không có khả năng tái sử dụng, sẽ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải theo quy định.

- + Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường số 04/HĐ.DV.2022 ngày 01/06/2022 với Công ty TNHH MTV Nhơn Thịnh.

5.5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại dự kiến phát sinh:

- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

CTNH phát sinh từ dự án sau khi phân loại tại nguồn sẽ được lưu chứa trong các thùng chứa chuyên dụng đối với từng loại chất thải và được tập trung trong kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 50 m². Kho chứa nằm kế bên kho chứa CTR công nghiệp thông thường của dự án, có mái che, nền bê tông chống thấm, được bố trí tách biệt với các khu vực khác. (Vị trí kho chứa CTNH được thể hiện tại bản vẽ mặt bằng tổng thể nhà xưởng của dự án – đính kèm).

- Các biện pháp khác:

- + Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh sẽ được thu gom, phân loại vào các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH.
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, nổ, dễ bị oxi hóa, ...).
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về “Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo”.
- Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản.

- + Lập bản kê khai để theo dõi tình trạng lưu trữ chất thải.

+ Phân công một cán bộ kiêm nhiệm để đảm nhiệm việc phân loại, quản lý chất thải tại nhà máy.

+ Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH số 163/2023/HĐKT/TTN-TM ngày 7/02/2023 với Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên.

6. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Chủ dự án - Công Ty TNHH Bột Kim Loại Julien Việt Nam xin cam kết:

- Các nguồn chất thải phát sinh do hoạt động của dự án đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép của các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường, cụ thể như sau:

+ Quy chuẩn Việt Nam QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;

+ Quy chuẩn Việt Nam QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ Quy chuẩn Việt Nam QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

+ Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải KCN Nhơn Trạch I.

- Đảm bảo việc quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại tuân thủ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Cam kết tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường, các Nghị định, Thông tư và các quy định liên quan;

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND xã Phước Thiện tiếp nhận đăng ký môi trường của Dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các sản phẩm dệt, trong quy trình không bao gồm công đoạn nhuộm từ 990 tấn/năm lên 3.000 tấn/năm”./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP

**CÔNG TY TNHH BỘT KIM LOẠI JULIEN
VIỆT NAM**

TỔNG GIÁM ĐỐC

